TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **69**/2020/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2020/TB-TA, ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Huỳnh Thị Ngọc A, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 15, Khu phố 3, phường H, thành phố T Một, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 15, Khu phố 3, phường H, thành phố T Một, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn P là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 12/12/1992 tại UBND xã L, huyện B (nay là huyện D), tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương). Bà A và ông P đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà A và ông P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà A và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 19/10/1993 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 19/02/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn P thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số 98 ngày 12/12/1992 của UBND xã L, huyện B (nay là huyện D), tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương) cấp cho bà A và ông P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn P có 01 con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 19/10/1993 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Huỳnh Thị Ngọc A và ông Nguyễn Văn P mỗi người nộp số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016- 0041470 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND xã L, huyện D, BD
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Phong